

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **19/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 26-6-2019

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh và ông Phan Sỹ Phác.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2019/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1992; Trú tại: số 205, thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh Đắc Nông. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Cầm Bá T, sinh năm 1990; Trú tại: số 205 thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh Đắc Nông. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 26/3/2019, lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T: Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Cầm Bá T, sinh năm 1990 kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Đắc Nông. Hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ép buộc. Anh chị có 02 con chung là Cầm Hồ Thiên Á, sinh ngày 22/4/2013 và Cầm Hồ Nhật Đ, sinh ngày 27/9/2014, hiện các cháu đang sống chung cùng chị T. Trong thời gian chung sống anh chị không tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc chị T xin ly hôn là do anh T rượu chè, không chăm lo cho gia đình dẫn đến vợ chồng phát sinh tranh cãi, xô xát, hai bên không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, ngoài ra anh T còn ghen tuông vô cớ, có lời nói xúc phạm đến chị T. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi, anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Chị T nhận thấy không còn tình

cảm yêu thương đối với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung giữa hai vợ chồng không còn duy trì vì vậy việc ly hôn là cần thiết cho cả hai vợ chồng vì vậy chị T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cầm Bá T, về con chung chị T nhận nuôi cháu Cầm Hồ Thiên Ân, sinh ngày 22/4/2013 và đồng ý giao cháu Cầm Hồ Nhật Đ, sinh ngày 27/9/2014 cho anh T nuôi dưỡng, hai bên không yêu cầu cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 14/6/2019, Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil nhận được đơn xin xét xử vắng mặt của chị T và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trong quá trình làm việc tại Tòa án.

Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Cầm Bá T trình bày: Anh T thống nhất với toàn bộ lời khai của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo anh T là do cả hai vợ chồng cùng có lỗi, trong đó nguyên nhân từ phía anh T là do anh T hay đi nhậu với anh em bạn bè, khi về nhà thì vợ chồng lời qua tiếng lại dẫn đến cãi nhau. Nguyên nhân từ phía chị T là do thường xuyên dành thời gian chơi điện thoại, sử dụng mạng xã hội như Facebook, Zalo, ít quan tâm đến chồng. Anh T không đồng ý ly hôn, trong trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh T nhận nuôi cháu Cầm Hồ Nhật Đ, sinh ngày 27/9/2014 và đồng ý giao cháu Cầm Hồ Thiên Ân, sinh ngày 22/4/2013 cho chị T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều T, chị T được ly hôn với anh Cầm Bá T; về con chung: Giao cháu Cầm Hồ Thiên Ân, sinh ngày 22/4/2013 cho chị T nuôi dưỡng và giao cháu Cầm Hồ Nhật Đ, sinh ngày 27/9/2014 cho anh T nuôi dưỡng, hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: chị Nguyễn Thị Kiều T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về pháp luật tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Kiều T yêu cầu ly hôn với anh Cẩm Bá T, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình (ly hôn) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh Cẩm Bá T có địa chỉ cư trú tại số 205 thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Cẩm Bá T được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về pháp luật nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Cẩm Bá T, sinh năm 1990 kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ép buộc.

[5] Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Chị T cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T rượu chè, không chăm lo cho gia đình dẫn đến vợ chồng phát sinh tranh cãi, xô xát, hai bên không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, ngoài ra anh T còn ghen tuông vô cớ, có lời nói xúc phạm đến chị T. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi, anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Anh T cũng thừa nhận nguyên nhân dẫn đến vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn là do anh hay đi nhậu với anh em bạn bè làm việc chung, khi đi nhậu về thì vợ chồng lời qua tiếng lại dẫn đến cãi nhau, anh T cũng cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn một phần cũng xuất phát từ việc chị T thường xuyên dành thời gian chơi điện thoại, sử dụng mạng xã hội như Facebook, Zalo, ít quan tâm đến chồng. Mặc dù Tòa án đã phân tích mâu thuẫn vợ chồng, động viên chị T và anh T bỏ qua mâu thuẫn để đoàn tụ, tại phiên hòa giải anh T cũng cam kết sẽ thay đổi bản thân, khắc phục những khuyết điểm của mình và mong muốn chị T thay đổi bản thân tuy nhiên anh T vẫn không thay đổi, không đến Tòa án để làm việc khi được triệu tập.

[6] Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T là trầm trọng, không thể khắc phục, các bên không còn tình cảm yêu thương, quý trọng, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, cuộc sống chung không còn duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều T.

[7] Về con chung: Chị T có nguyện vọng được nuôi cháu Cẩm Hồ Thiên Ân, sinh ngày 22/4/2013 và đồng ý giao cháu Cẩm Hồ Nhật Đức, sinh ngày 27/9/2014 cho anh T nuôi dưỡng. Anh T cũng có nguyện vọng được nuôi cháu Cẩm Hồ Nhật Đức, sinh ngày 27/9/2014 và đồng ý giao cháu Cẩm Hồ Thiên Ân, sinh ngày 22/4/2013 cho chị T nuôi dưỡng. Yêu cầu này của chị T, anh T là phù hợp tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[9] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 58; của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều T.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều T được ly hôn với anh Cẩm Bá T.

1.2 Về con chung: Giao cháu Cẩm Hồ Thiên Ân, sinh ngày 22/4/2013 cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ân đủ 18 tuổi trưởng thành và giao cháu Cẩm Hồ Nhật Đức, sinh ngày 27/9/2014 cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đức đủ 18 tuổi trưởng thành.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

1.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi hoặc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110 và Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình.

1.4 Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003466 ngày 04/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐắkNông;
- VKSND huyện ĐắkMil;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh